

BÁO CÁO

Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 (Lần 3)

Kế hoạch đầu tư công năm 2024 xã Mỹ Tiến

(Ban hành theo tờ trình số 600/TTr-UBND ngày 22/12/2023 của UBND xã)

Phần thứ nhất:

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

I. CĂN CỨ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 2023

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của Hội đồng nhân dân xã Mỹ Tiến về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công xã Mỹ Tiến năm 2023

Căn cứ vào số thu được điều tiết dành cho công tác chi đầu tư xây dựng cơ bản thời điểm báo cáo;

Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội; tình hình triển khai thực hiện các nguồn vốn đầu tư công và kế hoạch giải ngân năm 2023 của các công trình cũng như điều kiện thực tế của xã;

Ủy ban nhân dân xã trân trọng báo nội dung điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 – nguồn vốn ngân sách địa phương xã Mỹ Tiến (lần 3), cụ thể như sau:

II. LÝ DO ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 2023

Nguồn vốn dành cho đầu tư năm 2023 trên địa bàn xã chủ yếu từ nguồn thu tiền đấu giá đất hàng năm, nguồn xử lý 1456, nguồn chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 và các nguồn vốn hợp pháp khác. Trong quá trình thực hiện, các nguồn vốn phân bổ cho đầu tư có sự tăng (giảm) so với kế hoạch đặt ra, và có trong năm có thêm sự bổ sung hỗ trợ từ nguồn ngân sách cấp trên

Trong quá trình triển khai thực hiện, một số dự án giá trị quyết toán giảm so với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt, một số dự án có giá trị khối lượng thực hiện đáp ứng

được nhu cầu giải ngân vốn kế hoạch cao và một số dự án chưa thực hiện xong thủ tục đầu tư để đủ điều kiện bố trí vốn năm 2023.

Số tiền thu nhân dân đóng góp xây dựng rãnh dọc thoát nước đường Thịnh Thắng tăng thêm so với kế hoạch đặt ra.

Căn cứ vào số tiền thu đấu giá quyền sử dụng đất năm 2022 nộp ở năm 2023 và số thu chuyển đổi mục đích đến thời điểm báo cáo.

Do thay đổi cơ cấu nguồn vốn bố trí cho các dự án;

Trong quá trình triển khai thực hiện một số dự án có có tổng mức đầu tư giảm do nằm trong nhóm dự án dự kiến khởi công mới được điều chỉnh về nhóm công trình chuyển tiếp và đang thi công nên đã có quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xác định chính xác được tổng mức đầu tư được duyệt.

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 (LẦN 3)

1. Điều chỉnh số thu kế hoạch đầu tư công ngân sách xã.

- Nguồn Vốn chương trình MTQG, NST, NSH, 50% Hỗ trợ phát triển đất trồng lúa năm 2023, thu đóng góp tự nguyện và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác là : 1 156 triệu đồng tăng 156 triệu đồng so với ước thực hiện tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của HĐND xã.

- Số thu Tiền đấu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456... năm 2023 là : 3.277 triệu đồng giảm 298 triệu đồng so với ước thực hiện tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của HĐND xã.

- Số thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 (Gồm: Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XD CB ...) là 2.785 triệu đồng; không thay đổi so với ước thực hiện tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của HĐND xã.

- Số thu năm 2023 còn lại chưa phân bổ chuyển nguồn sang năm 2024 là : 2.129 triệu đồng.

Như vậy số chênh lệch về nguồn thu so với ước thực hiện tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của HĐND xã là giảm 142 triệu đồng

2. Điều chỉnh mức bố trí vốn

- Chi cho công trình đã hoàn thành quyết toán là 52 triệu đồng, giảm 432 triệu đồng so với ước thực hiện tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/05/2023 của HĐND xã.

- Chi cho công trình hoàn thành chưa quyết toán là 0 triệu đồng, giảm 26 triệu đồng so với ước thực hiện tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của HĐND xã.

- Chi cho công trình đang thực hiện là 5.037 triệu đồng, tăng 1.449 triệu đồng so với ước thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của HĐND xã.

- Chi cho công trình khởi công mới là 0 triệu đồng giảm 2.178 triệu đồng so với ước thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của HĐND xã.

(Do điều chỉnh 03 công trình trong nhóm dự án dự kiến khởi công mới về nhóm công trình chuyển tiếp và đang thi công)

3. Bảng tổng hợp điều chỉnh phân bổ vốn đầu tư công năm 2023 – Lần 3 (NSDP)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Vốn đầu tư công phân bổ theo NQ/NQ 33/NQ- HĐND ngày 12/10/2023				Nay đề nghị điều chỉnh			
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			Nguồn Vốn chương trình MTQG, NST, NSH, 50% HỖ trợ phát triển đất trồng lúa năm 2023 thu đóng góp tự nguyện và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456... năm 2023	Số thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 (Gồm: Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCB ...)		Nguồn, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH, 50% HỖ trợ phát triển đất trồng lúa năm 2023 thu đóng góp tự nguyện và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456... năm 2023	Số thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 (Gồm: Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCB ...)
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8
	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023	7 360	1 000	3 575	2 785	5 089	1 156	1 148	2 785
I	CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN VỐN	484		472	12	52	2	38	12
II	CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH CHƯA QUYẾT TOÁN	26		26					
III	CÔNG TRÌNH ĐANG THỰC HIỆN	3 588	1 000	588	2 000	5 037	1 154	1 110	2 773
IV	CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI	2 718		1 945	773				
V	SỰ NGHIỆP CÓ TÍCH CHẤT ĐẦU TƯ	544		544					

(Chi tiết theo phụ lục 01-ĐTC đính kèm)

4. Giảm 19 danh mục công trình, nội dung không bố trí vốn năm 2023

Chủ yếu là những công trình đã quyết toán vốn hoàn thành nhưng hồ sơ hầu hết trên 10 năm đã thất lạc khó có khả năng giải ngân. Và một số công trình chưa thực hiện xong thủ tục đầu tư để đủ điều kiện bố trí vốn năm 2024, một số chưa có khối lượng hoàn thành.

5. Điều tổng mức đầu tư 04 công trình. Cụ thể

- Công trình Xây dựng nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà xe và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non khu B xã Mỹ Tiến điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư từ 2.500 triệu đồng xuống thành 2.499 triệu đồng theo quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật số 369/QĐ-UBND ngày 14/09/2023.

- Công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Lang Xá đoạn Cầu Một-Đồng Hương; thôn La Chợ đoạn Nội Chạp- Biển Thệ giảm tổng mức đầu tư từ 998 triệu đồng xuống thành 988 triệu đồng theo quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật số 506/QĐ-UBND ngày 15/11/2023.

- Công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Vị Việt đoạn từ nhà ông Triệu đến nhà ông Nguyễn; thôn La Đồng đoạn cổng chào đến gốc bàng; thôn Nguyễn Huệ đoạn cây đa văn chỉ đến ngõ quán, đoạn gốc gạo đến nhà ông Tư giảm tổng mức đầu tư từ 920 triệu đồng xuống thành 904 triệu đồng theo QĐ phê duyệt theo quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật số 505/QĐ-UBND ngày 15/11/2023.

- Công trình Cải tạo, nâng cấp công, rãnh thoát nước , khuôn viên khu vực cổng trường tiểu học Mỹ Tiến huyện Mỹ Lộc giảm tổng mức đầu tư từ 800 triệu đồng xuống thành 787 triệu đồng theo QĐ phê duyệt theo quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật số 518/QĐ-UBND ngày 20/11/2023.

Phần thứ hai

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

I. CÁC CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước; các Nghị định, Thông tư và văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Văn bản số 139/UBND-VP2 ngày 28/6/2023 của UBND

tỉnh Nam Định về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 về định mức, nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Nam Định; số 70/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 ban hành quy định nguyên tắc, định mức và phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh số: 98/2022/NQ-HĐND về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Nam Định; số 107/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định của UBND huyện Mỹ Lộc số 5167/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tình hình triển khai thực hiện các nguồn vốn đầu tư công và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2023 của các công trình, dự án; nhu cầu bố trí vốn năm 2024 cũng như điều kiện thực tế của xã;

II. CÁC NGUYÊN TẮC LẬP KẾ HOẠCH

1. Các nguyên tắc chung.

Kế hoạch đầu tư công năm 2024 của xã được lập theo các nguyên tắc chung dưới đây:

- Góp phần thực hiện các mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của xã Mỹ Tiến;

- Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan; Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Văn bản số 139/UBND-VP2 ngày 28/06/2023 của UBND tỉnh Nam Định về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

- Thực hiện theo đúng nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025; Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023. Văn bản số 139/UBND-VP2 ngày 28/06/2023 của UBND tỉnh Nam Định về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024. Văn bản số 1634/SKHDT-TH&QLQH ngày 29/6/2023

của Sở Kế hoạch và đầu tư về việc xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH và kế hoạch đầu tư công năm 2024.

- Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 được xây dựng trên cơ sở tiếp tục cơ cấu lại đầu tư nguồn NSNN theo hướng tập trung, khắc phục dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Việc phân bổ vốn đảm bảo công khai, minh bạch; góp phần tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Tiếp tục lồng ghép các nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương, đồng thời tích cực huy động thêm các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các tiêu chí về nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; Thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các xã, thị trấn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư;

- Mức bố trí vốn năm 2024 của từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư của dự án trừ đi lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2023 và tương ứng với cơ cấu từng nguồn vốn của dự án, đồng thời không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao trừ đi lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2023 tương ứng với từng nguồn vốn của dự án.

2. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn: Được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên cho các dự án trọng điểm có trong danh mục đầu tư công của xã.

- Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, GPMB và công tác lập quy hoạch;

- Bố trí vốn để thực hiện các dự án quan trọng, có tính kết nối, tác động lan toả tới phát triển liên vùng, địa phương và có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

- Bố trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục triển khai thực hiện các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách xã giai đoạn 2021-2025 theo khả năng cân đối của từng nguồn vốn và theo thứ tự ưu tiên cụ thể như sau:

- + Ưu tiên bố trí vốn thiếu cho các dự án hoàn thành, có quyết định quyết toán.

- + Ưu tiên bố trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành của các công trình, dự án đã hoàn thành nhưng chưa làm thủ tục quyết toán: Lũy kế vốn bố trí không quá 95% khối lượng hoàn thành.

- + Bố trí cho các công trình chuyển tiếp, đang thực hiện: Lũy kế vốn bố trí không quá 90% tổng mức đầu tư.

- + Bố trí vốn cho các công trình, dự án dự kiến khởi công mới trong khả năng nguồn vốn cho phép; dự án khởi công mới phải có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định; công trình, dự án khởi công mới tập trung vào các công trình trọng điểm của xã, nâng cao kết cấu hạ tầng giao thông, công trình phục vụ nông thôn mới nâng cao v.v. Vốn bố trí không quá 60% tổng mức đầu tư.

- Bố trí vốn cho sự nghiệp có tính chất đầu tư như: Chi duy tu, bảo dưỡng đường trục xã. Chi công tác quản lý đất đai, công tác liên quan đến kế hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất hàng năm; chi công tác thống kê, kiểm kê đất đai (nếu có) từ tối thiểu 10% tiền đầu giá quyền sử dụng đất.

3. Các nguyên tắc cụ thể đối với từng nguồn vốn:

3.1 Tổng số thu tiền sử dụng đất năm 2024 huyện giao (Ngân sách địa phương) là 1.800 triệu đồng. Cụ thể :

Thu tiền sử dụng đất kế hoạch hàng năm huyện giao : 6.000 triệu đồng

Số thu được điều tiết theo tỷ lệ như sau: Ngân sách tỉnh 50%; ngân sách xã, thị trấn 30%; ngân sách huyện 20%, nguồn vốn dành cho đầu tư ngân sách xã là **1.800 triệu đồng**

3.2 Nguồn thu từ năm 2023 chưa phân bổ chuyển sang năm 2024

Cụ thể : Đến thời điểm báo cáo số tiền thu tiền sử dụng đất năm 2023 là : 3.277 triệu đồng. Trong năm đã bố trí vốn đầu tư từ tiền thu tiền sử dụng đất là : 1.148 triệu đồng; còn lại số tiền là : 2.129 triệu đồng sẽ chuyển sang năm 2024 để chi.

4. Dự kiến phương án phân bổ Kế hoạch năm 2024

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Nguồn , Vốn chương trình MTQG, NST, NSH, 50% Hỗ trợ phát triển đất trồng lúa năm 2024 thu đóng góp tự nguyện và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456... năm 2024	Số thu chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 (Gồm: Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XD CB ...)
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024	3 929		1 800	2 129
I	CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN VỐN	432			432
II	CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH CHƯA QUYẾT TOÁN	26			26
III	CÔNG TRÌNH ĐANG THỰC HIỆN	1 228			1 228
IV	CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI	1.699		1 620	79

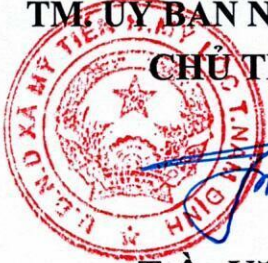
V	SỰ NGHIỆP CÓ TÍCH CHẤT ĐẦU TƯ	544		180	364
---	-------------------------------	-----	--	-----	-----

(Chi tiết theo phụ lục 02 -ĐTC đính kèm)

Trên đây là điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 (Lần 3), kế hoạch đầu tư công năm 2024. UBND xã kính trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, phê chuẩn./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy;
- Ban Chấp hành Đảng bộ xã;
- HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Văn Độ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 XÃ MỸ TIẾN (Lần 3)

(Kèm theo báo cáo số 399/BC-UBND ngày 22/12/2023)

Phụ lục số 01-ĐTC

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMDT được duyệt hoặc quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Vốn còn thiếu so với TMDT hoặc quyết toán được duyệt	Vốn đầu tư công phân bổ theo NQ 33/NQ- HĐND ngày 12/10/2023			Nay đề nghị điều chỉnh			Chênh lệch				Nguồn vốn NSX còn thiếu so với TMDT	Ghi chú		
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						
												Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH	Nguồn NSX (Gồm: Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác		Số thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 (Gồm: Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XD CB ...)	Nguồn , Vốn chương trình MTQG, NST, NSH, 50% Hỗ trợ phát triển đất trồng lúa năm 2023 thu đóng góp tự nguyện và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác		Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456... năm 2023	Số thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 (Gồm: Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XD CB ...)	Nguồn , Vốn chương trình MTQG, NST, NSH, 50% Hỗ trợ phát triển đất trồng lúa năm 2023 thu đóng góp tự nguyện và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác			Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456... năm 2023	Số thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 (Gồm: Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XD CB ...)
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3=1-2	4=5+6+7	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14+15	13=9-5	14=10-6	15=11-7	16=1-(2+8)	17
	SỐ THU										7.360	1.000	3.575	2.785	7.218	1.156	3.277	2.785	(142)	156	(298)	-	0	
	PHÂN BỐ NGUỒN THU										7.360	1.000	3.575	2.785	7.218	1.156	3.277	2.785	(142)	156	(298)	-	0	
1	Ngân sách xã quản lý điều hành										7.360	1.000	3.575	2.785	7.218	1.156	3.277	2.785	(142)	156	(298)	-		
2	Nguồn thu còn lại chưa phân bổ chuyển năm sau														2.129	-	2.129	-						
	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023		27 388		16 185			26 880	16 731	10 149	7 359	1 000	3 574	2 785	5 089	1 156	1 148	2 785	- 2 203	156	(2.359)		5 060	
I	CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN VỐN		19 371		16 185			16 185	15 701	484	483		471	12	52	2	38	12	(364)	2	(366)		432	
1	Xây dựng Trụ Sở HĐND-UBND xã Mỹ Tiến huyện Mỹ Lộc (Nhà hướng Đông)	QĐ số 2346/QĐ-UBND ngày 21/9/2004	1 081	QĐ số 367/STC-ĐT ngày 13/4/2012	1 065	Xã Mỹ Tiến	2004-2005	1 065	1.017	48	48		48		-		-	-	(48)	-	(48)	-	48	Nợ lâu năm khó trả
2	Xây dựng nhà học 2 tầng 8 lớp trường MN xã Mỹ Tiến (khu A)	QĐ số 2525/QĐ-UBND ngày 05/11/2008	3 242	QĐ số 3262/QĐ-UBND ngày 31/12/2010	2 836	Xã Mỹ Tiến	2008-2009	2.836	2.802	34	34		34		0		0	0	34	0	34	0	34	Nợ lâu năm khó trả
3	Xây dựng các hạng mục phụ trợ trường MN xã Mỹ Tiến ; hạng mục xây mới nhà thường trực; nhà để xe; cổng; tường bao)	QĐ số 1591/QĐ-UBND ngày 23/10/2009	497	QĐ số 3263/QĐ-UBND ngày 31/12/2010	495	Xã Mỹ Tiến	2009	495	487	8	8		8		-		-	-	(8)	-	(8)	-	8	Nợ lâu năm khó trả
4	Cải tạo, sửa chữa trường học xã Mỹ Tiến, hạng mục: nhà bảo vệ, vệ sinh, nhà học 2 tầng 8 phòng; nhà cấp 4, đường và sân bê tông	QĐ số 192/QĐ-UBND ngày 10/4/2007 và 1392/QĐ-UBND ngày 31/12/2007	498	QĐ số 1818/QĐ-UBND ngày 28/7/2008	498	Xã Mỹ Tiến	2007	498	459	39	39		39		-		-	-	(39)	-	(39)	-	39	Nợ lâu năm khó trả
5	Xây dựng công trình nhà học 2 tầng 6 phòng trường Tiểu học	QĐ số 1683/QĐ-UBND ngày 18/8/2010	2 326	QĐ số 4434/QĐ-UBND ngày 23/12/2011	2 095	Xã Mỹ Tiến	2010	2 095	2.058	37	37		37		-		-	-	(37)	-	(37)	-	37	Nợ lâu năm khó trả
6	Xây dựng công trình các hạng mục phụ trường tiểu học Mỹ Tiến	QĐ số 896/QĐ-UBND ngày 18/10/2005	332	QĐ số 47/QĐ-UBND ngày 29/11/2008	331	Xã Mỹ Tiến	2005	331	316	15	15		15		-		-	-	(15)	-	(15)	-	15	Nợ lâu năm khó trả

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMDT được duyệt hoặc quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Vốn còn thiếu so với TMDT hoặc quyết toán được duyệt	Vốn đầu tư công phân bổ theo NQ 33/NQ- HĐND ngày 12/10/2023			Nay đề nghị điều chỉnh			Chênh lệch				Nguyên nhân NSX còn thiếu so với TMDT	Ghi chú		
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						
												Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH	Nguồn NSX (Gồm : Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác		Số thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XD CB ...)	Nguồn Vốn chương trình MTQG, NST, NSH, 50% Hỗ trợ phát triển đất trồng lúa năm 2023 thu đóng góp tự nguyện và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác		Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456... năm 2023	Số thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XD CB ...)	Nguồn Vốn chương trình MTQG, NST, NSH, 50% Hỗ trợ phát triển đất trồng lúa năm 2023 thu đóng góp tự nguyện và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác			Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456... năm 2023	Số thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XD CB ...)
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3=1-2	4=5+6+7	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14+15	13=9-5	14=10-6	15=11-7	16=1-(2+8)	17
7	Xây dựng công trình : Trụ sở làm việc UBND xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc (nhà hướng Nam)	QĐ số 498/QĐ-UBND ngày 19/4/2012	4 947	QĐ số 654/QĐ-UBND ngày 07/03/2014	4 681	Xã Mỹ Tiến	2012-2013	4 681	4.528	153	153		153		-		-		(153)	-	(153)	-	153	Nợ lâu năm khó trả
8	Xây dựng Bãi chôn lấp, xử lý rác thải xã Mỹ Tiến	QĐ số 4303A/QĐ-UBND ngày 16/12/2011	2 293	QĐ số 3762/QĐ-UBND ngày 30/12/2013	195	Xã Mỹ Tiến	2012	195	187	8	8		8		0		0		(8)	-	(8)	-	8	Nợ lâu năm khó trả
9	Cải tạo nâng cấp trạm y tế xã Mỹ Tiến; hạng mục : Cải tạo nhà làm việc, khám bệnh 2 tầng cũ và khuôn viên trạm y tế.Xây mới nhà làm việc, khám bệnh 3 phòng 1 tầng	QĐ số 1069/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 và QĐ số 2959/QĐ-UBND ngày 04/11/2015	1 261	QĐ số 2003/QĐ-UBND ngày 11/7/2016	1 261	Xã Mỹ Tiến	2015	1 261	1.231	30	30		30		0		0		(30)	-	(30)	-	30	Nợ lâu năm khó trả
10	Cải tạo trường tiểu học xã Mỹ Tiến, hạng mục : Xây mới phòng học bộ môn, bồn cây, nhà để xe, nhà vệ sinh , tường rào, cải tạo nhà học 10 phòng 2 tầng	QĐ số 30/QĐ-UBND ngày 13/12/2013	426	QĐ số 40/QĐ-UBND ngày 28/12/2014	417	Xã Mỹ Tiến	2013-2014	417	411	6	6		6		0		0		(6)	-	(6)	-	6	Nợ lâu năm khó trả
11	Sửa chữa,cải tạo nhà học 2 tầng trường Mầm Non khu B	QĐ số 04A/QĐ-UBND ngày 21/03/2015	230	QĐ số 01/QĐ-UBND ngày 10/7/2015	230	Xã Mỹ Tiến	2015	230	217	13	13		13		-		0		(13)	-	(13)	-	13	Nợ lâu năm khó trả
12	Đường trục nội đồng đoạn từ cửa hàng Lang Xá đến sông 32 Mỹ Hà (CT38),đoạn từ đê át hội trạm bơm Lang Xá đến giáp sông tiểu Mỹ Hà(CT38-4)	QĐ số 19A/QĐ-UBND ngày 18/5/2014	998	QĐ số 01/QĐ-UBND ngày 15/01/2015	894	Xã Mỹ Tiến	2014	894	884	10	10		10		-		0		(10)	-	(10)	-	10	Nợ lâu năm khó trả
13	Cải tạo sửa chữa trạm y tế ; hạng mục xây mới tường bao quanh trạm, hàng rào phía trước, hai bên đường vào và một số hạng mục phụ trợ	QĐ số 16B/QĐ-UBND ngày 16/3/2017	215	QĐ số 40A/QĐ-UBND ngày 16/10/2017	207	Xã Mỹ Tiến	2017	207	201	6	6		6		-		0		(6)	-	(6)	-	6	Nợ lâu năm khó trả
14	Cải tạo, làm nền đường từ đê đê Át Hội đến trạm biến áp thôn Nguyễn Huệ	QĐ số 50A/QĐ-UBND ngày 27/9/2017	275	QĐ số 12A/QĐ-UBND ngày 28/02/2018	275	Xã Mỹ Tiến	2017	275	267	8	8		8		-		0		(8)	-	(8)	-	8	Nợ lâu năm khó trả
15	Xây dựng rãnh dọc thoát nước tuyến đường Thịnh - Thắng (đoạn từ Cầu La đến hết trường tiểu học) thuộc địa phận xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc	QĐ số 43/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	750	QĐ số 117A/QĐ-UBND ngày 16/09/2019	705	Xã Mỹ Tiến	2018-2019	705	636	69	68		56	12	52	2	38	12	(16)	2	(18)	0	17	Nợ lâu năm khó trả
II	CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH CHƯA QUYẾT TOÁN		487					487	350	137	26		26						(26)	-	(26)		137	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMBT được duyệt hoặc quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Vốn còn thiếu so với TMBT hoặc quyết toán được duyệt	Vốn đầu tư công phân bổ theo NQ 33/NQ- HĐND ngày 12/10/2023			Nay đề nghị điều chỉnh			Chênh lệch				Nguồn vốn NSX còn thiếu so với TMBT	Ghi chú		
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						
												Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH	Nguồn NSX (Gồm : Tiền đầu tư giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác		Số thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XD CB ...)	Nguồn , Vốn chương trình MTQG, NST, NSH, 50% Hỗ trợ phát triển đất trồng lúa năm 2023 thu đóng góp tự nguyện và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác		Tiền đầu tư giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456... năm 2023	Số thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XD CB ...)	Nguồn , Vốn chương trình MTQG, NST, NSH, 50% Hỗ trợ phát triển đất trồng lúa năm 2023 thu đóng góp tự nguyện và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác			Tiền đầu tư giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456... năm 2023	Số thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XD CB ...)
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3=1-2	4=5+6+7	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14+15	13=9-5	14=10-6	15=11-7	16=1-(2+8)	17
1	Khu phụ trợ - Trụ sở UBND xã Mỹ Tiến (Tường rào + Khu vệ sinh chung + Cấp thoát nước khu WC + Bể+Nhà để xe +Nền sân +ao)	QĐ số 946/QĐ-UBND ngày 01/11/2005	487			Xã Mỹ Tiến	2005-2006	487	350	137	26		26		-		-		(26)	-	(26)	-	137	Nợ lâu năm khó trả; công trình chưa QT vốn
III	CÔNG TRÌNH ĐANG THỰC HIỆN		3 588					6 266		6 266	3 588	1 000	588	2 000	5 037	1 154	1 110	2 773	1 449	154	522	773	1 229	
1	Xây dựng Nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà xe và các hạng mục phụ trợ trường MN khu B xã Mỹ Tiến	QĐ Số 167/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	2 500			Xã Mỹ Tiến	2022-2023	2 499		2 499	2 500	1 000	500	1 000	2 499	1 000	499	1 000	(1)	-	(1)	-	0	
2	Xây dựng cổng và tường bao nghĩa trang liệt sỹ xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc	QĐ số 300/QĐ-UBND ngày 10/7/2023	553			Xã Mỹ Tiến	2023	553		553	553		53	500	553		53	500	-	-	-	-	0	
3	Cải tạo, sửa chữa nhà học 2 tầng 10 phòng; nhà học 2 tầng 6 phòng; phòng kho trường tiểu học xã Mỹ Tiến	QĐ số 301/QĐ-UBND ngày 10/7/2023	535			Xã Mỹ Tiến	2023	535		535	535		35	500	535		35	500	-	-	-	-	0	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Vị Việt đoạn từ nhà ông Triệu đến nhà ông Nguyễn; thôn La Đông đoạn cổng chào đến góc bãng; thôn Nguyễn Huệ đoạn cây đa văn chỉ đến ngõ quán, đoạn góc gạo đến nhà ông Tư	QĐ số 505/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	920			Xã Mỹ Tiến	2023-2024	904		904					500		200	300	500	-	200	300	404	Điều chỉnh tổng mức đầu tư và nguồn vốn bố trí cho công trình do tới thời điểm điều chỉnh công trình đã có QĐ PD BCKTKT và đang thực hiện
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Lang Xá đoạn Cầu Một-Đồng Hương; thôn La Chợ đoạn Nội Chạp- Biển Thề	QĐ số 506/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	998			Xã Mỹ Tiến	2023-2024	988		988	-				650	154	196	300	650	154	196	300	338	Điều chỉnh tổng mức đầu tư và nguồn vốn bố trí cho công trình do tới thời điểm điều chỉnh công trình đã có QĐ PD BCKTKT và đang thực hiện

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMDT được duyệt hoặc quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Vốn còn thiếu so với TMDT hoặc quyết toán được duyệt	Vốn đầu tư công phân bổ theo NQ 33/NQ- UBND ngày 12/10/2023			Nay đề nghị điều chỉnh			Chênh lệch				Nguồn vốn NSX còn thiếu so với TMDT	Ghi chú		
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						
												Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH	Nguồn NSX (Gồm : Tiền đầu tư giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác		Số thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCHB ...)	Nguồn , Vốn chương trình MTQG, NST, NSH, 50% Hỗ trợ phát triển lúa năm 2023 thu đóng góp tự nguyện và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác		Tiền đầu tư giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456... năm 2023	Số thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCHB ...)	Nguồn , Vốn chương trình MTQG, NST, NSH, 50% Hỗ trợ phát triển lúa năm 2023 thu đóng góp tự nguyện và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác			Tiền đầu tư giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456... năm 2023	Số thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCHB ...)
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3=1-2	4=5+6+7	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14+15	13=9-5	14=10-6	15=11-7	16=1-(2+8)	17
6	Cải tạo, nâng cấp công, rãnh thoát nước , khuôn viên khu vực công trường tiểu học Mỹ Tiến huyện Mỹ Lộc	QĐ số 518/QĐ-UBND ngày 20/11/2023.	800			Xã Mỹ Tiến	2023-2024	787		787	-				300		127	173	300	-	127	173	487	Điều chỉnh tổng mức đầu tư và nguồn vốn bố trí cho công trình do tới thời điểm công trình đã có QĐ PD BCKTKT và đang thực hiện
IV	CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI		2 718					2 718		2 718	2.718		1 945	773	-				(2.718)	- 1 945	- 773		2718	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Vị Việt đoạn từ nhà ông Triệu đến nhà ông Nguyễn; thôn La Đông đoạn công chào đến góc bìa; thôn Nguyễn Huệ đoạn cây đa văn chỉ đến ngõ quán, đoạn góc gạo đến nhà ông Tư		920			Xã Mỹ Tiến	2023-2024	920		920	920		620	300	-		-	-	(920)	-	(620)	(300)	920	Giảm do đến thời điểm báo cáo ở công trình đang thực hiện
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Lang Xá đoạn Cầu Một-Đồng Hương; thôn La Chợ đoạn Nội Chạp- Biển Thề		998			Xã Mỹ Tiến	2023-2024	998		998	998		698	300	-		-	-	(998)	-	(698)	(300)	998	Giảm do đến thời điểm báo cáo ở công trình đang thực hiện
5	Cải tạo, nâng cấp công, rãnh thoát nước , khuôn viên khu vực công trường tiểu học Mỹ Tiến huyện Mỹ Lộc		800			Xã Mỹ Tiến	2023-2024	800		800	800		627	173	-		-	-	(800)	-	(627)	(173)	800	Giảm do đến thời điểm báo cáo ở công trình đang thực hiện
V	SỰ NGHIỆP CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ		1 224				0	1 224	680	544	544		544						- 544	- 544			544	
1	Hợp đồng đo đạc; lập bản đồ địa chính cấp chứng nhận QSDĐ	QĐ số 4856/QĐ-UBND ngày 14/10/2016	750			Xã Mỹ Tiến	2016-2025	750	550	200	200		200		-		-		(200)	-	(200)	-	200	Do chưa có khối lượng hoàn thành

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMDT được duyệt hoặc quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Vốn còn thiếu so với TMDT hoặc quyết toán được duyệt	Vốn đầu tư công phân bổ theo NQ 33/NQ- HĐND ngày 12/10/2023			Nay đề nghị điều chỉnh			Chênh lệch				Nguồn vốn NSX còn thiếu so với TMDT	Ghi chú			
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó							
												Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH	Nguồn NSX (Gồm : Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác		Số thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XD CB ...)	Nguồn Vốn chương trình MTQG, NST, NSH, 50% Hỗ trợ phát triển đất trồng lúa năm 2023 thu đóng góp tự nguyện và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác		Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456... năm 2023	Số thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XD CB ...)	Tổng số			Nguồn , Vốn chương trình MTQG, NST, NSH, 50% Hỗ trợ phát triển đất trồng lúa năm 2023 thu đóng góp tự nguyện và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456... năm 2023	Số thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, PA xử lý 1456... năm 2023 thu đóng góp tự nguyện và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3=1-2	4=5+6+7	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14+15	13=9-5	14=10-6	15=11-7	16=1-(2+8)	17	
2	Hợp đồng lập hồ sơ địa chính, cấp đổi GCNQSDĐ đất nông nghiệp sau dồn điền đổi thửa	QĐ số 4856/QĐ-UBND ngày 14/10/2016	210			Xã Mỹ Tiến	2017-2025	210		210	210		210		-		-		(210)	-	(210)	-	210	Do chưa có Khối lượng hoàn thành	
3	Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Tiến giai đoạn 2021-2030	QĐ số 2230/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	264			Xã Mỹ Tiến	2022-2023	264	130	134	134		134		-		-		(134)	-	(134)		134	Do chưa quyết toán vốn	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 XÃ MỸ TIẾN

(Kèm theo báo cáo số 599/BC-L/UBND ngày 22/12/2023)

Phụ lục số 02-ĐTC

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMDT được duyệt hoặc quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí đến hết năm 2023	Vốn còn thiếu so với TMDT hoặc quyết toán được duyệt	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024			Nguồn vốn NSX còn thiếu so với TMDT	Ghi chú	
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						Tổng số	Trong đó				
												Nguồn , Vốn chương trình MTQG, NST, NSH, 50% Hỗ trợ phát triển đất trồng lúa năm 2024 thu đóng góp tự nguyện và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456... năm 2024			Số thu chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 (Gồm: Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XD CB ...)
A	B	C	D	E	F	G	H	1	2	3=1-2	8=9+10+11	9	10	11	16=1-(2+8)	17
	SỐ THU										3.929	0	1.800	2.129	0	
	PHÂN BỐ NGUỒN THU										3.929	0	1.800	2.129	0	
1	Ngân sách xã quản lý điều hành										3.929		1.800	2.129		
2	Nguồn thu còn lại chưa phân bổ chuyển năm sau										0	0	0	0		
	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024		24 699		16 185			22 273	18 233	4 040	3.929	0	1.800	2.129	111	
I	CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN VỐN		19 371		16 185			16 185	15 753	432	432	0	0	432	0	
1	Xây dựng Trụ Sở HĐND-UBND xã Mỹ Tiến huyện Mỹ Lộc (Nhà hướng Đông)	QĐ số 2346/QĐ-UBND ngày 21/9/2004	1 081	QĐ số 367/STC-ĐT ngày 13/4/2012	1 065	Xã Mỹ Tiến	2004-2005	1 065	1.017	48	48		0	48	0	Bố trí 100%
2	Xây dựng nhà học 2 tầng 8 lớp trường MN xã Mỹ Tiến (khu A)	QĐ số 2525/QĐ-UBND ngày 05/11/2008	3 242	QĐ số 3262/QĐ-UBND ngày 31/12/2010	2 836	Xã Mỹ Tiến	2008-2009	2 836	2.802	34	34		0	34	0	Bố trí 100%
3	Xây dựng các hạng mục phụ trợ trường MN xã Mỹ Tiến ; hạng mục xây mới nhà trường trực; nhà để xe; cổng; tường bao)	QĐ số 1591/QĐ-UBND ngày 23/10/2009	497	QĐ số 3263/QĐ-UBND ngày 31/12/2010	495	Xã Mỹ Tiến	2009	495	487	8	8		0	8	0	Bố trí 100%
4	Cải tạo, sửa chữa trường học xã Mỹ Tiến, hạng mục: nhà bảo vệ, vệ sinh, nhà học 2 tầng 8 phòng; nhà cấp 4, đường và sân bê tông	QĐ số 192/QĐ-UBND ngày 10/4/2007 và 1392/QĐ-UBND ngày 31/12/2007	498	QĐ số 1818/QĐ-UBND ngày 28/7/2008	498	Xã Mỹ Tiến	2007	498	459	39	39		0	39	0	Bố trí 100%
5	Xây dựng công trình nhà học 2 tầng 6 phòng trường Tiểu học	QĐ số 1683/QĐ-UBND ngày 18/8/2010	2 326	QĐ số 4434/QĐ-UBND ngày 23/12/2011	2 095	Xã Mỹ Tiến	2010	2 095	2.058	37	37		0	37	0	Bố trí 100%

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMBT được duyệt hoặc quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí đến hết năm 2023	Vốn còn thiếu so với TMBT hoặc quyết toán được duyệt	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Nguồn vốn NSX còn thiếu so với TMBT	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						Tổng số	Trong đó				
												Nguồn , Vốn chương trình MTQG, NST, NSH, 50% Hỗ trợ phát triển đất trồng lúa năm 2024 thu đóng góp tự nguyện và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456... năm 2024	Số thu chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 (Gồm: Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCB ...)		
A	B	C	D	E	F	G	H	1	2	3=1-2	8=9+10+11	9	10	11	16=1-(2+8)	17
6	Xây dựng công trình các hạng mục phụ trường tiểu học Mỹ Tiến	QĐ số 896/QĐ-UBND ngày 18/10/2005	332	QĐ số 47/QĐ-UBND ngày 29/1/2008	331	Xã Mỹ Tiến	2005	331	316	15	15		0	15	0	Bố trí 100%
7	Xây dựng công trình : Trụ sở làm việc UBND xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc (nhà hướng Nam)	QĐ số 498/QĐ-UBND 19/4/2012	4 947	QĐ số 654/QĐ-UBND ngày 07/03/2014	4 681	Xã Mỹ Tiến	2012-2013	4 681	4.528	153	153		0	153	0	Bố trí 100%
8	Xây dựng Bãi chôn lấp, xử lý rác thải xã Mỹ Tiến	QĐ số 4303A/QĐ-UBND ngày 16/12/2011	2 293	QĐ số 3762/QĐ-UBND ngày 30/12/2013	195	Xã Mỹ Tiến	2012	195	187	8	8		0	8	0	Bố trí 100%
9	Cải tạo nâng cấp trạm y tế xã Mỹ Tiến; hạng mục : Cải tạo nhà làm việc, khám bệnh 2 tầng cũ và khuôn viên trạm y tế.Xây mới nhà làm việc, khám bệnh 3 phòng 1 tầng	QĐ số 1069/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 và QĐ số 2959/QĐ-UBND ngày 04/11/2015	1 261	QĐ số 2003/QĐ-UBND ngày 11/7/2016	1 261	Xã Mỹ Tiến	2015	1 261	1.231	30	30		0	30	0	Bố trí 100%
10	Cải tạo trường tiểu học xã Mỹ Tiến, hạng mục : Xây mới phòng học bộ môn, bồn cây, nhà để xe, nhà vệ sinh , tường rào, cải tạo nhà học 10 phòng 2 tầng	QĐ số 30/QĐ-UBND ngày 13/12/2013	426	QĐ số 40/QĐ-UBND ngày 28/12/2014	417	Xã Mỹ Tiến	2013-2014	417	411	6	6		0	6	0	Bố trí 100%
11	Sửa chữa,cải tạo nhà học 2 tầng trường Mầm Non khu B	QĐ số 04A/QĐ-UBND ngày 21/03/2015	230	QĐ số 01/QĐ-UBND ngày 10/7/2015	230	Xã Mỹ Tiến	2015	230	217	13	13		0	13	0	Bố trí 100%
12	Đường trục nội đồng đoạn từ cửa hàng Lang Xá đến sông 32 Mỹ Hà (CT38),đoạn từ đê ắt hội trạm bơm Lang xá đến giáp sông tiêu Mỹ Hà(CT38-4)	QĐ số 19A/QĐ-UBND ngày 18/5/2014	998	QĐ số 01/QĐ-UBND ngày 15/01/2015	894	Xã Mỹ Tiến	2014	894	884	10	10		0	10	0	Bố trí 100%
13	Cải tạo sửa chữa trạm y tế ; hạng mục xây mới tường bao quanh trạm, hàng rào phía trước, hai bên đường vào và một số hạng mục phụ trợ	QĐ số 16B/QĐ-UBND ngày 16/3/2017	215	QĐ số 40A/QĐ-UBND ngày 16/10/2017	207	Xã Mỹ Tiến	2017	207	201	6	6		0	6	0	Bố trí 100%
14	Cải tạo, làm nền đường từ dốc đê Ất Hợi đến trạm biến áp thôn Nguyễn Huệ	QĐ số 50A/QĐ-UBND ngày 27/9/2017	275	QĐ số 12A/QĐ-UBND ngày 28/02/2018	275	Xã Mỹ Tiến	2017	275	267	8	8		0	8	0	Bố trí 100%

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMDT được duyệt hoặc quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí đến hết năm 2023	Vốn còn thiếu so với TMDT hoặc quyết toán được duyệt	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024			Nguồn vốn NSX còn thiếu so với TMDT	Ghi chú	
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						Tổng số	Trong đó				
												Nguồn , Vốn chương trình MTQG, NST, NSH, 50% Hỗ trợ phát triển đất trồng lúa năm 2024 thu đóng góp tự nguyện và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456... năm 2024			Số thu chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 (Gồm: Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCB ...)
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3=1-2	8=9+10+11	9	10	11	16=1-(2+8)	17
15	Xây dựng rãnh dọc thoát nước tuyến đường Thịnh - Thắng (đoạn từ Cầu La đến hết trường tiểu học) thuộc địa phận xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc	QĐ số 43/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	750	QĐ số 117A/QĐ-UBND ngày 16/09/2019	705	Xã Mỹ Tiến	2018-2019	705	688	17	17			17	0	Bố trí 100%
II	CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH CHƯA QUYẾT TOÁN		487					487	350	137	26	0	0	26	111	
I	Khu phụ trợ - Trụ sở UBND xã Mỹ Tiến (Tường rào + Khu vệ sinh chung + Cấp thoát nước khu WC + Bể+Nhà để xe +Nền sân +ao)	QĐ số 946/QĐ-UBND ngày 01/11/2005	487			Xã Mỹ Tiến	2005-2006	487	350	137	26		0	26	111	Bố trí 100% vốn còn thiếu thực tế sau nghiệm thu A-B
III	CÔNG TRÌNH ĐANG THỰC HIỆN		1 918					2 678	1 450	1 228	1.228	0	0	1.228		
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Vị Việt đoạn từ nhà ông Triệu đến nhà ông Nguyễn; thôn La Đồng đoạn công chào đến gốc bàng; thôn Nguyễn Huệ đoạn cây đa vắn chi đến ngõ quán, đoạn gốc gạo đến nhà ông Tư	QĐ số 505/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	920			Xã Mỹ Tiến	2023-2024	904	500	404	404			404	0	Bố trí 100%
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Lang Xá đoạn Cầu Một-Đồng Hương; thôn La Chợ đoạn Nội Chạp- Biển Thề	QĐ số 506/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	998			Xã Mỹ Tiến	2023-2024	988	650	338	338			338	0	Bố trí 100%
6	Cải tạo, nâng cấp công, rãnh thoát nước , khuôn viên khu vực công trường tiểu học Mỹ Tiến huyện Mỹ Lộc	QĐ số 518/QĐ-UBND ngày 20/11/2023.	800			Xã Mỹ Tiến	2023-2024	787	300	487	487			487	0	Bố trí 100%
IV	CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI		1 699					1 699		1 699	1.699	0	1.620	79	0	
1	Xây dựng rãnh dọc thoát nước thôn Lang Xá đoạn từ nhà ông Răn đến sông Hà Mã		213			Xã Mỹ Tiến	2024-2025	213		213	213		213		0	Bố trí 100%

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMDT được duyệt hoặc quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí đến hết năm 2023	Vốn còn thiếu so với TMDT hoặc quyết toán được duyệt	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Nguồn vốn NSX còn thiếu so với TMDT	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						Tổng số	Trong đó				
												Nguồn , Vốn chương trình MTQG, NST, NSH, 50% Hỗ trợ phát triển đất trồng lúa năm 2024 thu đóng góp tự nguyện và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456... năm 2024	Số thu chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 (Gồm: Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XD CB ...)		
A	B	C	D	E	F	G	H	1	2	3=1-2	8=9+10+11	9	10	11	16=1-(2+8)	17
2	Cải tạo, nâng cấp sân bê tông và một số hạng mục phụ trợ, làm mới hệ thống chống nóng, mua bàn ghế, trang thiết bị nhà 3 tầng 12 phòng học và các phòng chức năng trường Tiểu học Mỹ Tiến		1 486			Xã Mỹ Tiến	2024-2025	1 486		1.486	1.486		1.407	79	0	Bố trí 100%
V	SỰ NGHIỆP CÓ TÍCH CHẤT ĐẦU TƯ		1 224				0	1 224	680	544	544	0	180	364		
1	Hợp đồng đo đạc; lập bản đồ địa chính cấp chứng nhận, QSDĐ	QĐ số 4856/QĐ-UBND ngày 14/10/2016	750			Xã Mỹ Tiến	2016-2025	750	550	200	200		180	20		Tong đó có 10% từ tiền sử dụng đất năm 2024
2	Hợp đồng lập hồ sơ địa chính, cấp đổi GCNQSDĐ đất nông nghiệp sau dồn điền đổi thửa	QĐ số 4856/QĐ-UBND ngày 14/10/2016	210			Xã Mỹ Tiến	2017-2025	210		210	210		0	210	0	Bố trí 100%
3	Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Tiến giai đoạn 2021-2030	QĐ số 2230/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	264			Xã Mỹ Tiến	2022-2023	264	130	134	134		0	134	0	Bố trí 100%